

ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI TRONG GIỚI TRẺ HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ BÍCH HÀNG*

Tóm tắt: Ở Việt Nam, từ khi đổi mới và hội nhập đến nay, đồng tính luyến ái trong giới trẻ đã phát triển và lan rộng rất nhanh chóng, trở thành một tỳ vết xuất hiện trong bức tranh đẹp về thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Đã có nhiều cuộc bàn thảo đánh giá hiện tượng này trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cơ quan luật pháp cũng đang gặp khó khăn về vấn đề có cho phép hay không cho phép quan hệ đồng tính luyến ái, nhất là quan hệ hôn nhân đồng tính. Vận dụng học thuyết Freud bài viết phân tích bức tranh tổng quát về đồng tính luyến ái trên thế giới và ở Việt Nam.

Từ khóa: Đồng tính luyến ái, học thuyết Freud.

1. Đồng tính luyến ái là gì?

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, đồng tính luyến ái (ĐTLA) là “quan hệ luyến ái, tình dục giữa những người cùng giới, đều có bộ phận sinh dục phát triển bình thường. Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA) định nghĩa: “*Đồng tính luyến ái*, hay *đồng tính* chỉ việc bị hấp dẫn trên phương diện tình yêu hay tình dục hoặc việc yêu đương hay quan hệ tình dục giữa những người cùng giới tính với nhau, trong hoàn cảnh nào đó hoặc trong một thời gian nào đó. Đồng tính luyến ái cũng chỉ sự tự nhận của cá nhân dựa trên những hấp dẫn đồng giới và sự tham gia vào một cộng đồng cùng giới tính”⁽¹⁾. Trong tiếng Anh, *homosexuality* là từ chỉ chung về đồng tính luyến ái; *gay* chỉ người đồng tính nam; *lesbian* chỉ người đồng tính nữ, đọc ngắn là *les*. Giới trẻ Việt Nam gọi đồng tính nam là

pê đê hay *bóng lộ*, *đồng cô*; đồng tính nữ là *ô môi*...

2. Đồng tính luyến ái trên thế giới và ở Việt Nam

Sigmund Freud (1856-1939) là nhà khoa học người Áo, cha đẻ của ngành Phân tâm học đã dành khá nhiều sự quan tâm cho hiện tượng đồng tính luyến ái. Những nghiên cứu, đánh giá của ông về ĐTLA là nền tảng và cơ sở có giá trị cho các nghiên cứu về ĐTLA đương đại.

Theo Freud, con người khi sinh ra đã có bản năng tính dục nguyên thủy không tập trung, đồng tính luyến ái là một sự lệch lạc từ bản năng này. Các công trình

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Hà Tĩnh.

⁽¹⁾ (1976), *Thiên hướng tình dục và đồng tính luyến ái*, Báo cáo của Trung tâm trợ giúp tâm lý Mỹ APA tại Hội nghị Quốc tế về ĐTLA 11/1976, Toronto, Canada.

quan trọng của Freud về đồng ĐTLA được viết vào giữa năm 1905 với “*Ba tiểu luận về lý thuyết tình dục*”, vào năm 1922, với “*Các cơ chế loạn thần kinh trong ghen, chứng hoang tưởng và đồng tính luyến ái*”. Freud tin rằng, *tất cả mọi người đều lưỡng tính*, con người được kết hợp các phương diện của cả hai giới và do vậy, mọi người bị hấp dẫn tình dục với cả hai giới. Theo quan điểm của ông, điều này là đúng trong cấu trúc giải phẫu sinh lý cơ quan sinh dục và cả về phương diện tinh thần và tâm lý. Tình dục khác giới và tình dục đồng tính đều được phát triển từ sự sắp xếp lưỡng tính ban đầu này. Freud gọi đồng tính luyến ái là một “đảo chiều” của khát dục (libido)⁽²⁾, đó là sự trở về với một đối tượng giống với chính nó, một cái gì đó khác biệt với loạn dâm là trường hợp của bệnh lý. Freud không bao giờ khẳng định sự giống nhau hoàn toàn giữa quan hệ đồng tính và sự truy lạc của tình dục khác giới. Freud hiểu rằng, đồng tính luyến ái là tình dục không mong muốn, nó được định hướng từ sự gọi tình ở người trưởng thành.

Freud rất thận trọng, qua rất nhiều nghiên cứu của chính mình và của các chuyên gia khác về tâm thần học, tình dục học, ông kết luận ĐTLA không phải là bệnh lý: “Tôi có niềm tin vững chắc rằng, không được đối xử người đồng tính như người bị bệnh... sẽ không buộc chúng ta mô tả đặc điểm như là

bệnh”. Freud cho rằng, đồng tính luyến ái chỉ là hậu quả của thoái hóa sinh lý hay tâm lý. Đồng tính luyến ái tương thích với chức năng tâm lý của những người bình thường và thậm chí ông còn đưa ra các dẫn chứng ở một số người ĐTLA có năng lực, trí tuệ cao như Plato, Michelangelo, Leona De Vince... Tuy nhiên, Freud cho rằng, đồng tính luyến ái thể hiện sự còi cọc phát triển tâm lý tình dục cá nhân và chức năng tình dục kém hơn trong một người trưởng thành.

Freud tin rằng, đồng tính luyến ái là một biến thể của chức năng tình dục do kìm hãm khát dục (*libidinal arrest*) dẫn đến bị ức chế không đủ cho chức năng tình dục khác giới thông thường hoặc không đạt đến giai đoạn tâm lý tình dục cuối cùng của sinh lý do tắc nghẽn nguồn năng lực. Ngoài ra, một cá nhân đã đạt đến giai đoạn sinh dục trưởng thành, nhưng do chấn thương tâm lý đã quay trở lại là người đồng tính, điều này được gọi là thoái trào khát dục (*libidinal regression*). Theo Freud, thay đổi xu hướng đồng tính của một cá nhân với một người bình thường quan hệ khác giới có nghĩa là giúp họ hiểu và trưởng

⁽²⁾ *Libido*: thuật ngữ này thường được giữ nguyên không dịch, song trong bản dịch *Phân tâm học nhập môn*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002 được Nguyễn Xuân Hiến dịch là *khát dục*, cũng có một số tác giả dịch là *tính dục, dục vọng*.

thành để đạt được một mức độ cao hơn của phát triển tâm lý tình dục hơn là đi chữa trị⁽³⁾.

Trong suốt quá trình nghiên cứu về ĐTLA, Freud đặt ra bốn giả thuyết về nguyên nhân của đồng tính luyến ái. Mỗi giả thuyết liên quan tới đồng tính được xây dựng trong phạm vi hẹp, đó là các trường hợp phát triển tâm thần sinh dục khác nhau liên quan đến sự xuất hiện đồng tính luyến ái ở người trưởng thành. Theo giả thiết của tính tự yêu nạcxít, Freud cho rằng: “Trong giai đoạn sơ khai, đồng tính luyến ái lựa chọn đối tượng giống bệnh nạcxít hơn là giống các bệnh luyến ái bình thường” hoặc “Theo loại nạcxít, *cái tôi* của đương sự được thay thế bằng *cái tôi* nào đó giống nó nhất. Khi nào khát dục chọn được đối tượng theo loại nạcxít, tôi cho rằng khát dục thuộc thành phần những kẻ hướng về đồng tính luyến ái nhiều hơn”⁽⁴⁾. Theo giả thiết về mặc cảm Odipe không thỏa mãn, trên cơ sở khái niệm đồng nhất hoá (indentification) là phát hiện nguyên thủy của sự ràng buộc tình cảm với người khác, Freud giải thích rằng, “sự phát sinh ĐTLA ở người đàn ông xảy ra như sau: trong thời gian rất lâu, người thanh niên bị ràng buộc với mẹ rất mạnh mẽ, hiểu theo nghĩa mặc cảm Odipe. Đối với thời kỳ dậy thì, người thanh niên đã tới lúc cần phải tìm kiếm một đối tượng dục tình khác để thay thế người mẹ. Bây giờ sẽ xảy ra

một sự chuyển hướng bất thần, đáng lẽ lia bỏ mẹ thì người thanh niên lại đồng nhất hóa với mẹ, biến thành mẹ, thanh niên sẽ tìm những đối tượng có thể thay thế cái tôi của mình để chàng ta có thể yêu mến và chăm nom cũng như chàng ta được mẹ yêu mến chăm nom”⁽⁵⁾. Có nghĩa là chàng ta sẽ đi tìm những người thanh niên cùng giới để yêu.

Freud không tin rằng, một mình phân tâm học có thể giải quyết tất cả các vấn đề về đồng tính luyến ái. Tái định hướng tình dục để cho quan hệ đồng giới trở về quan hệ khác giới là vấn đề được Freud rất quan tâm. Freud không từ chối các ý tưởng và liệu pháp tái định hướng tình dục, song ông có vẻ không lạc quan. Freud cảnh báo rằng, “loại bỏ đồng tính luyến ái không bao giờ dễ dàng và chỉ thành công trong hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi và thậm chí thành công, thì sau khi anh ta tiếp cận với người cùng giới một thời gian các chức năng lưỡng tính của anh ta lại được khôi phục”. Ông kết luận: “Để chuyển đổi một người đồng tính phát triển đầy đủ về một người dị tính không có nhiều triển vọng thành

(3) J.Murphy (2003), Freud và liệu pháp định hướng tình dục, *Journal of homosexuality*, APA, tháng 3, tr. 121-135.

(4) S.Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nguyễn Xuân Hiến dịch, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 481.

(5) S.Freud (1969), *Nghiên cứu phân tâm học*, Vũ Đình Lưu dịch, Nxb An Tiêm, Sài Gòn, tr.164-166.

công hơn không thành công, ngoại trừ lý do thực tế sau này là người đó không bao giờ cố gắng quay trở về đồng tính”⁽⁶⁾. Ông cũng lưu ý những người có mối quan hệ gần gũi với với những người có khuynh hướng tình dục đồng giới phải thận trọng vì rất có thể bị cuốn theo xu thế này.

Trong năm 1935, Freud viết thư cho một người mẹ Mỹ đã yêu cầu ông điều trị đồng tính luyến ái cho con trai mình. Bức thư sau này đã trở nên nổi tiếng thế giới⁽⁷⁾: “điều chắc chắn, đồng tính luyến ái không có ưu thế, nhưng với nó, không có gì phải xấu hổ, không ngược đời, không suy thoái, nó không thể được xếp loại như là một bệnh. Chúng tôi coi nó là một biến thể của chức năng tình dục do sự kìm nén một số phát triển giới tính... Đó là một bất công lớn khi ép đồng tính luyến ái như một tội phạm và như vậy là độc ác quá”; “Nếu con trai của bạn không hài lòng, loạn thần kinh, bị giằng xé bởi những mâu thuẫn, ức chế trong cuộc sống xã hội của mình, hãy phân tích, điều đó có thể mang lại cho anh ta sự hài hòa, an tâm, đó là đầy đủ hiệu quả rồi, cho dù anh ta vẫn là người đồng tính hoặc đã được thay đổi”.

Trong cuộc đời mình, Freud nhìn người đồng tính luyến ái với một thái độ rất khoan dung. Năm 1930, Freud đã ký vào bản kêu gọi hợp pháp hóa các hành vi tình dục đồng giới ở Đức và Áo. Khi

được hỏi liệu người ta phải thực hiện để chữa bệnh đồng tính luyến ái hoặc làm cho giảm bớt đi bằng cách tăng sức ép của dư luận xã hội, ông trả lời: “Đương nhiên, sự nhấn mạnh của tôi là cần đưa về các biện pháp xã hội”. Freud hiểu vai trò của xã hội là vô cùng quan trọng để giảm thiểu sự phát sinh của đồng tính luyến ái.

Trên thực tế thường gặp ĐTLA giữa nam với nam, ít gặp ở nữ hơn. ĐTLA tồn tại từ lâu ở các nước phương Tây, có nơi được chấp nhận như hợp pháp. Gần đây, được dư luận xã hội chú ý vì là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây lan tràn AIDS”⁽⁸⁾. Ở các nước phương Tây ngày nay, theo các khảo sát sơ bộ cho thấy⁽⁹⁾, có tới 1% đến 5% dân số các nước Bắc Mỹ là đồng tính, nhiều nhất là Mỹ và Canada; có tới 2% đến 10% dân số đã từng trải nghiệm vài dạng hành vi tình dục đồng giới trong cuộc đời. Nếu phân chia theo giới, thì tỷ lệ nam đồng tính cao hơn khoảng 2 lần so với nữ đồng tính. Trong một nghiên cứu năm

⁽⁶⁾ J.Murphy (2003), “Freud và liệu pháp định hướng tình dục”, *Journal of homosexuality*, APA, tháng 3, tr. 121-135.

⁽⁷⁾ S.Freud (1951), “Letter to an American mother”, *American Journal of Psychiatry*, 107, tr. 87.

⁽⁸⁾ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 876.

⁽⁹⁾ Theo *Homosexuality* từ http://en.wikipedia.org/wik/the_free_encyclopedia.

2006 ở Úc, có 20% số người trả lời từng có cảm giác về tình dục đồng giới, nhưng chỉ có 2% tự nhận là đồng tính. Tại Canada, một cuộc khảo sát 121.300 người trên 18 tuổi, có 1,43% tự nhận mình là đồng tính hoặc lưỡng tính.

Ở Việt Nam, từ khi mở cửa hội nhập quốc tế 1986 đến nay, ĐTLA phát triển rất nhanh trên khắp địa bàn cả nước⁽¹⁰⁾. Năm 2012, tại Hội thảo về HIV/AIDS do Viện Nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường (ISEE) và Chương trình Phối hợp của Liên Hợp Quốc tổ chức, ông Lê Quang Bình, Viện trưởng ISEE, đưa ra con số người đồng tính ở Việt Nam vào khoảng 1,65 triệu người, tương đương với 2% dân số.

Hiện tượng ĐTLA tuy chưa phải là bức xúc lớn về an ninh xã hội, song nó đã ảnh hưởng không nhỏ tới thuần phong mỹ tục, tới những chuẩn mực trong quan hệ xã hội truyền thống tốt đẹp của nước ta. Những đám cưới tổ chức công khai, đầy đủ thủ tục lễ nghi giữa hai nam thanh niên hoặc hai thanh nữ đã được thấy ở Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Thành phố Hồ Chí Minh... trong vài năm qua. Những thanh thiếu niên bỏ nhà đi bụi đời thành các nhóm *gay*, nhóm *pê đê* dặt dẹo hút chích, thường thấy trong các hẻm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng đêm ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn khác vẫn thấy các tốp thanh niên đồng tính tụ tập, gây ồn ào

mất trật tự, thậm chí náo loạn trong các quán bar, các tụ điểm và đường phố. Đã có rất nhiều các vụ án hình sự (giết người, cướp của, đâm chém, ghen tuông) bắt nguồn từ các mối quan hệ ĐTLA. Một trong những hoạt động được tổ chức công khai của những người ĐTLA là cuộc thi tìm kiếm *nam vương* Manstyle 2008 của người đồng tính nam diễn ra vào tối ngày 20/12/2008 tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc diễu hành lần đầu tiên của những người ĐTLA ở Việt Nam được tổ chức vào ngày 6 tháng 8 năm 2012 tại Hà Nội. Họ diễu hành bằng xe đạp, xe máy, quanh các phố trung tâm và dương cờ có màu sắc của cầu vồng là cờ hiệu của ĐTLA Quốc tế.

Như vậy, người ĐTLA ở Việt Nam đang muốn thể hiện công khai và muốn trở thành thực thể của xã hội.

3. Thái độ của xã hội đối với đồng tính luyến ái ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, thái độ xã hội nhìn nhận ĐTLA như thế nào và luật pháp đã xem xét ĐTLA theo góc độ nào? Vấn đề này đến nay vẫn chưa có lời giải, mặc dù ĐTLA đã là hiện tượng hiện hữu. Các nghiên cứu và thăm dò thái độ xã hội về ĐTLA một cách nghiêm túc, bài bản dựa trên cơ sở khoa học về ĐTLA cũng chưa hề có, mà chủ yếu vẫn là các bài

⁽¹⁰⁾ (2012), “1,65 triệu người đồng tính ở Việt Nam: đa số muốn sinh con”, Báo điện tử *Thanh niên*, ngày 16 tháng 5.

báo, các báo cáo mang tính phóng sự điều tra về hiện tượng ĐTLA hàng ngày. Từ các phương tiện thông tin đại chúng, có thể tổng hợp một cách sơ bộ về thái độ xã hội về ĐTLA như sau:

- *Kỳ thị của cộng đồng ở các mức độ khác nhau đối với đồng tính luyến ái.* Với các chuẩn mực truyền thống về quan hệ nam nữ, về hôn nhân và gia đình, rất nhiều người coi ĐTLA là không bình thường, thậm chí là bệnh hoạn, đặc biệt ở vùng nông thôn, hành vi âu yếm của hai người cùng giới làm cho nhiều người cảm thấy ghê tởm. Việc kết hôn giữa hai người cùng giới lại càng làm nhiều người ngạc nhiên như một sự kỳ dị, điên loạn. Ở mức độ khác, cộng đồng nhìn người ĐTLA như là một dạng bệnh tật gần như nghiện ma túy hoặc HIV/AIDS cần phải cách ly, sợ phải tiếp xúc, dễ lây nhiễm.

Sự kỳ thị của cộng đồng dù ở mức độ nào đi nữa đều làm cho cuộc sống của những người đồng tính rất khó khăn, họ như bị tách ra khỏi cộng đồng. Những học sinh đồng tính có tâm trạng hoang mang cô độc trước bạn bè. Họ học tập sa sút, thường có thái độ bướng bỉnh, một số chán sống, có ý định tự tử. Ngoài ra, vì không được xã hội công nhận, người đồng tính thường che giấu, không công khai mình là ĐTLA, như vậy càng làm tăng khả năng lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh xã hội trong cộng đồng.

- *Có sự nhìn nhận ngày càng cởi mở*

hơn đối với ĐTLA. Từ phương tiện thông tin đại chúng, qua các trang mạng xã hội ngày nay cho thấy, một tỉ lệ rất nhỏ cộng đồng đã có thái độ cởi mở hơn với người đồng tính. Đã có nhiều buổi tọa đàm về ĐTLA trên VTV, kêu gọi nên có thái độ cởi mở hơn đối với người đồng tính. Từ đó, một số nhỏ cộng đồng đã nhìn người đồng tính với một cái nhìn cảm thông hơn. *Thái độ của những người làm luật đối với ĐTLA cũng như vậy.* Trước sự hiện hữu như một thực thể trong mỗi quan hệ xã hội, những người làm luật Việt Nam hiện nay dường như đang lúng túng, chưa có các định hướng cụ thể đối với quan hệ đồng tính, đặc biệt là hôn nhân đồng tính. Cho đến nay, chưa có văn bản pháp quy nào có liên quan tới quan hệ tình dục đồng tính. Sau một số đám cưới đồng tính nam và đồng tính nữ công khai tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long... vào các năm 1997, 1998 gây bức xúc dư luận, Quốc hội mới thông qua đạo luật cấm hôn nhân đồng tính vào tháng 6 năm 1998.

Tháng 7 năm 2012, Bộ Tư pháp đưa ra dự kiến sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình, trong đó có thể công nhận hôn nhân đồng tính⁽¹¹⁾. Việc này làm dấy lên dư luận không đồng tình và làm bức xúc

⁽¹¹⁾ (2012), “Về trưng cầu ý kiến đề xuất công nhận hôn nhân đồng giới”, Báo Dân trí điện tử, ngày 29 tháng 7.

trong cộng đồng. Đề xuất này tuy chỉ mới là dự kiến mang tính thăm dò dư luận, song việc đưa ra vấn đề rất nhạy cảm này, khi mà nhìn nhận của cộng đồng còn chưa định hình rõ về ĐTLA, thì chưa phải là đúng lúc.

4. Một cách nhìn nhận khoan dung với một thái độ xây dựng về đồng tính luyến ái

Quan hệ đồng tính, nhất là hôn nhân đồng tính, là những mối quan hệ xã hội rất phức tạp, phải được xem xét dựa trên những nền tảng cơ bản là xã hội và pháp lý cùng với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của xã hội và gia đình Việt Nam. Khi nhìn nhận mối quan hệ này, chúng ta cần chú ý tới bản chất và căn nguyên gốc rễ của ĐTLA đã được các nghiên cứu trong thời gian dài của các nhà khoa học trên thế giới; từ đó nhìn nhận khoan dung, không khiên cưỡng với một thái độ hợp lý hơn đối với những người đồng tính.

Một là, phải khẳng định rằng, quan hệ đồng tính luyến ái không phải là bệnh lý. Nhận thức này hầu như chưa có và càng chưa được hiểu sâu rộng trong cộng đồng hiện nay. Cần phải nhìn nhận và cho cộng đồng cùng thấy được điều đó để có thái độ đúng mức, đồng cảm hơn với ĐTLA. Quan trọng hơn, làm cho những người đồng tính hiểu được rằng, mình không phải là người bệnh, để họ tránh mặc cảm, không xa lánh, mà

hòa đồng với cộng đồng nhiều hơn; đồng thời họ có thể tự điều chỉnh hành vi quan hệ lệch lạc của mình để trở về bình thường.

Hai là, môi trường sống và sự giáo dục là yếu tố quan trọng để cho ĐTLA không phát sinh, không gia tăng và không phát triển. Yếu tố môi trường và giáo dục không tốt chiếm tới 2/3 sự hình thành và phát triển ĐTLA, và ngược lại, môi trường và giáo dục tốt sẽ là cơ sở để giảm thiểu sự gia tăng của ĐTLA trong xã hội hiện nay. Trong đó, môi trường sống, mái ấm gia đình, sự giáo dục của cha mẹ, của nhà trường là vô cùng quan trọng, đặc biệt là với trẻ vị thành niên. Xa lánh kỳ thị với người ĐTLA là đặc biệt nguy hiểm, càng đẩy họ ra xa cộng đồng, xa gia đình, bè bạn, xa nhà trường và càng làm cho ĐTLA phát triển.

Ba là, cảm thông, khoan dung, nhưng không nên có thái độ và hành động mang tính chấp nhận hay kích lệ cho các quan hệ ĐTLA. Bài học ở nước ngoài cho thấy, khi được xã hội chấp nhận thì ĐTLA có xu hướng gia tăng rõ rệt. Nhất là đối với giới trẻ, họ rất nhạy cảm và hay bắt chước các kiểu sống lạ, sống thời thượng khác người, đó là khởi nguồn cho quan hệ đồng tính có điều kiện để nảy mầm, sinh sôi và phát triển. Vì vậy, chỉ nên cảm thông với những người đã có quan hệ đồng tính, nhưng

không tỏ ra sự đồng tình chấp nhận hay khích lệ họ tiếp tục.

Bốn là, về phương diện luật pháp, không thể cho phép hôn nhân đồng tính. Hôn nhân đồng tính là bước đi xa hơn rất nhiều so với quan hệ đồng tính. Chưa nói tới khía cạnh thuần phong mỹ tục, văn hóa xã hội và truyền thống gia đình Việt Nam, hôn nhân đồng tính là điều khó chấp nhận được vì các khía cạnh luật pháp và hậu quả xã hội mà nó để lại là rất phức tạp.

Ngày nay, đồng tính luyến ái như là một vết ố xuất hiện trong bức tranh đẹp về thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Nó đang có dấu hiệu đậm đặc thêm. Đó là thực tại của một xã hội hội nhập. Khó có thể xóa được vết ố đó, mà chỉ có thể làm nhòe đi và nhỏ lại không để nó phát triển, mở rộng. Để làm được như vậy, cần có sự nỗ lực của cả cộng đồng, của toàn thể xã hội, của các cấp chính quyền và nhất là sự nhận thức của bản thân những người có quan hệ ĐTLA.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2012), *văn kiện Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. (1976), *Thiên hướng tình dục và đồng tính luyến ái*, Báo cáo của Trung tâm trợ giúp tâm lý Mỹ APA tại Hội nghị Quốc tế về ĐTLA tháng 11 năm 1976, Toronto, Canada.
4. *Đồng tính luyến ái* (Homosexuality), http://en.wikipedia.org/wiki/the_free_encyclopedia.
5. (2012), Báo điện tử *Thanh Niên*, ngày 16 tháng 5.
6. J.Murphy (2003), “Freud và liệu pháp định hướng tình dục”, *Journal of homosexuality*, APA, tháng 3.
7. S.Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nguyễn Xuân Hiến dịch, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
8. S.Freud (1969), *Nghiên cứu phân tâm học*, Vũ Đình Lưu dịch, Nxb An Tiêm, Sài Gòn.
9. S.Freud (1951), Thư gửi bà mẹ Mỹ (Letter to an American mother) *American Journal of Psychiatry*, tr. 107.
10. Tô Kiều Phương (1943), *Học thuyết Freud*, Nxb Tân Việt.
11. (2011), *Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam* do UNICEF, WHO, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê thực hiện SAVY 2003, SAVY 2010, Nxb Thống kê, Hà Nội.
12. Đặng Cảnh Khanh (1995), *Giáo dục pháp luật cho thanh niên - vấn đề quan trọng của sự ổn định xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Phạm Hồng Tung (2011), *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

